

PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00680

Học Kỳ 3 - Năm Học 10-11

Ngày Thi :

Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi PV315

Nhóm Thi :

Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số thí	Chữ ký SV	Điểm	Tổ điểm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ điểm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09138001	VÕ LƯƠNG THÀNH	AN	4		5,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	09118022	NGUYỄN QUANG	BẢO	1		8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	08153001	HỒ TÂN	BIÊN	1		6,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	10119021	PHAN NGUYỄN QUỐC	BÚU				(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	09154060	NGUYỄN VĂN	CÀNH	1		6,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	08154002	VÕ MINH	CHÂU	1		5,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	09130008	TRẦN XUÂN	CHƯƠNG	1		1,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	09115006	VĂN KIM	CHƯƠNG	1		5,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	09153042	HOÀNG ĐÌNH	CƯỜNG	1		2,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	09153043	NGUYỄN TÂN	CƯỜNG	1		6,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	09119006	NGUYỄN THANH	DANH	1		6,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	08154004	PHÙNG THANH	DANH	1		5,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	09153003	ĐÀO KHẮC	DIỄN	1		4,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	09151034	DƯƠNG THỊ THU	DUNG	1		6,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	09162001	TRẦN THỊ PHƯƠNG	DUNG	1		6,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	09115008	NGUYỄN VIỆT	DỪNG	1		5,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	09154062	NGUYỄN ĐỨC	DUY				(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	08158028	NGUYỄN TRINH THIÊN	DUYÊN	1		4,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 182

Ngày

tháng

năm

Tin.S. NGÔ THIÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 00680

Trang 2/2

Môn Học : Toán cao cấp A3 (202110) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 15/07/11

Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV315

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên										Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân											
19	08158032	NGUYỄN HÙNG	DƯƠNG	4		4,8	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
20	09139830	HỒ TẤN	ĐẠT	1		6,0	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
21	09139032	PHẠM QUỐC	ĐẠT	1		3,1	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
22	08153005	NGUYỄN THANH	ĐÌNH	1		5,5	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
23	09154012	NGUYỄN HỮU	ĐỖ	1		2,8	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
24	09153047	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	1		6,0	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
25	09138023	NGUYỄN NGỌC	HÀI	1		6,3	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
26	09139045	LÊ VĂN	HẢO	1		4,0	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
27	08137002	VŨ NGỌC	HIỂN	1		4,9	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
28	09137003	LÝ VĂN	HIỂU	1		4,6	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
29	09138026	NGUYỄN TRUNG	HIỂU	1		3,5	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
30	08158053	TRẦN MINH	HIỂU	1		4,3	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
31	09158019	NGUYỄN VĂN	HÒA	1		6,2	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
32	08153038	NGUYỄN CÔNG	HOÀNG	1		5,5	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
							(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
							(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
							(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
							(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

Số bài: 30, Số tờ: 30

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày

tháng

năm

Th.S. NGÔ THIÊN

Th.S. NGÔ THIÊN

Th.S. NGÔ THIÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 00703

Trang 1/2

Môn Học : Toán cao cấp A3 (202110) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 15/07/11

Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV319

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên										Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân										
1	09153087	TRẦN THÁI	HOÀNG	DH09CD		✓	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
2	09154022	TRẦN VĂN	HOÀNG	DH09OT	1	5,9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
3	09119013	NGUYỄN HỮU	HUÂN	DH09CC	1	6,1	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
4	09153008	ĐƯƠNG TIẾN	HÙNG	DH09CD	1	4,6	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
5	09153050	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	DH09CD		✓	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
6	09154071	VÕ QUỐC	HÙNG	DH09OT	1	5,8	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
7	09139069	VÕ TUẤN	HÙNG	DH09HH	1	4,6	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
8	09137032	NGUYỄN KHÁNH	HÙNG	DH09NL		✓	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
9	09134020	TRẦN THỊ CẨM	HƯỜNG	DH09GB	1	5,8	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	09130037	NGÔ VĂN	KHAI	DH09DT	1	9,1	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
11	09153009	NGUYỄN TRỌNG	KHAI	DH09CD	1	5,5	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
12	09154073	NGUYỄN NHƯT ĐĂNG	KHOA	DH09OT	1	4,3	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
13	09153053	PHÙNG ĐĂNG	KHOA	DH09CD	1	9,2	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
14	09118009	TRẦN DUY	KHƯƠNG	DH09CK	1	4,0	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
15	09153054	VŨ DUY	KIÊN	DH09CD	1	7,2	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
16	09154028	NGUYỄN VĂN	LẬP	DH09OT	1	6,1	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
17	09162004	LÊ THỊ BÍCH	LIÊN	DH09GI	1	6,6	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
18	09153012	TRƯƠNG HOÀNG	LIÊN	DH08CD	1	8,9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9

Số bài: 05 Số tờ: 05

Cán bộ coi thi 182

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 182

Ngày 15 tháng 7 năm 2011

Le Minh Quang

Thư

Thư

T.N.S. NGÔ THIÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 10-11

Môn Học : Toán cao cấp A3 (202110) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 15/07/11

Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi PV319

Nhóm Thi :

Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

Mã nhận dạng 00703

Trang 2/2

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên										Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân											
19	09153010	NGUYỄN THÀNH	LONG	4		4,9	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
20	09119019	NGUYỄN TRIỀU THÀNH	LONG	4		5,3	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
21	09137008	NGUYỄN VŨ HOÀNG	LONG	4		5,5	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
22	09137009	LÊ TRƯỜNG ĐẠI	LONG	4		7,2	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
23	08158094	NGUYỄN HỮU	LONG	4		3,3	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
24	09134021	NGUYỄN MINH	LONG	4		5,0	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
25	08158097	BÙI QUANG	LONG	4		4,0	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
26	09137036	HUYỀN THẾ	LONG	4		5,5	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
27	09153014	HOÀNG THANH	LONG	4		4,3	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
28	08130050	VŨ THỊ KHÁNH	LONG	4		6,2	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
29	09162005	NGUYỄN THỊ	LONG	4		6,2	(V)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

Số bài: 25; Số từ: 25

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 25 tháng 7 năm 2011

S. H. Minh Quang

Th. S. Ngô Thiện

Th. S. Ngô Thiện

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 00704

Trang 1/2

Môn Học : Toán cao cấp A3 (202110) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 15/07/11

Giờ thi: 07:00 - phút Phòng thi PV323

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 003 - Dpt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên										Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân									
1	09115025	LÊ THỊ THU	MAI		<i>Vong</i>	5,8	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
2	09115028	ĐỖ XUÂN	MƯỜNG		<i>Muoi</i>	5,5	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
3	08137004	HÀ VĂN	NAM		<i>Ha</i>	7,4	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
4	09138036	NGUYỄN VĂN	NAM		<i>Van</i>	7,2	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
5	09134006	TRẦN TIẾN	NAM		<i>Tien</i>	6,1	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
6	09151012	LÝ MỘNG	NGÂN		<i>Mong</i>	5,5	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
7	08137033	NGUYỄN THỊ HÀ	NGÂN		<i>Ha</i>	3,4	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
8	09139108	VÕ LƯƠNG	NGHI		<i>Luong</i>	8,5	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
9	09153062	HỒ TÂN	NGHĨA		<i>Tan</i>	6,3	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
10	09134007	TRƯƠNG VĂN	NGỌC		<i>Van</i>	5,5	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
11	08154056	LÊ CÔNG	NGUYỄN		<i>Con</i>	7,3	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
12	09153065	LÊ THANH	NHÃ		<i>Thanh</i>	5,8	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
13	09153064	NGUYỄN THANH	NHÂN		<i>Thanh</i>	5,5	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
14	09130068	NGUYỄN TRUNG THÀNH	PHƯỚC		<i>Thanh</i>	4,6	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
15	09118025	DƯƠNG ĐÔNG	PHƯƠNG		<i>Phuong</i>	6,0	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
16	09130136	HỒ LÊ HOÀI	PHƯƠNG		<i>Hoai</i>	4,3	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
17	08158133	ĐÀO DUY	QUÂN		<i>Duy</i>	4,6	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐
18	09118026	NGUYỄN VĂN	QUANG		<i>Van</i>	4,6	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐

Số bài: 56... Số tờ: 56...

Cán bộ coi thi 182

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 182

Ngày

tháng

năm

Nguyễn Ngọc Hằng
Nguyễn Thanh Văn

Thanh

Nguyễn Thị Ngọc Kỳ

Tin.S. NGÔ THIÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 3 - Năm Học 10-11

Mã nhận dạng 00704

Trang 2/2

Môn Học : Toán cao cấp A3 (202110) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 15/07/11

Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV323

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên										Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân											
19	09118027	HỒ QUANG	QUỐC	DH09CK		5,8	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
20	09119024	NGUYỄN VĂN RỎ	RỎ	DH09CC		5,5	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
21	08137020	NGUYỄN ANH	SAN	DH08NL		7,7	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
22	09138046	CAO THANH	SANG	DH09TD		6,3	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
23	09162018	ĐÀO MẠNH	SANG	DH09GI		7,7	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
24	09139144	TRẦN VŨ MINH	SANG	DH09HH		7,2	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
25	09119025	VŨ THỊ	SÁNG	DH09CC		7,2	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
26	09137041	PHAN NGỌC	SINH	DH09NL		6,0	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
27	09162011	LÊ VĂN	SONY	DH09GI		4,9	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
28	09154089	NGUYỄN VĂN	SON	DH09OT		6,0	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
29	07151026	BÙI NGỌC	TẦN	DH08DC		6,1	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
30	08154027	ĐỖ VĂN	TẦN	DH08OT		5,7	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
31	09118016	ĐÀO NHẬT	THÀNH	DH09CK		5,6	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
32	09154095	TRẦN HUY	THÀNH	DH09OT		5,9	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
33	09115045	MAI THANH	THAO	DH09CB		5,0	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
34	09162019	NGUYỄN ĐĂNG PHƯƠNG	THẢO	DH09GI		7,1	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
35	09119038	BÙI TẤN	THỊNH	DH09CC		4,2	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
36	09153076	TRẦN MINH	THOẠI	DH09CD		5,7	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9

Số bài: 56 Số tờ: 56

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày

tháng

năm

Nguyễn Hoàng Hưng
Nguyễn Thanh Ngọc

Th.S. NGÔ THIÊN

Nguyễn Hồ Ngọc Kỳ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 00704

Trang 3/2

Môn Học : Toán cao cấp A3 (202110) - Số Tin Chi: 3

Học Kỳ 3 - Năm Học 10-11
Ngày Thi : 15/07/11

Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV323

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên										Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân											
37	09134010	NGUYỄN THỊ THANH	THỦY	DH09GB	<i>tho</i>	6,0	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
38	08137024	LÊ MINH	THÚ	DH08NL	<i>Pha</i>	4,4	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
39	09139179	ĐỒNG THỊ	THƯƠNG	DH09HH	<i>Thuy</i>	7,7	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
40	09139181	TRẦN VĂN HOÀI	THƯƠNG	DH09HH	<i>Thuy</i>	4,6	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
41	09137046	TRẦN ĐẠI THỦY	TIỀN	DH09NL	<i>Thuy</i>	4,3	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
42	09153077	LÊ TRUNG	TÌNH	DH09CD	<i>Thuy</i>	6,5	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
43	09153078	TRƯƠNG MINH	TOÀN	DH09CD	<i>Thuy</i>	7,4	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
44	09134030	MAI QUỐC	TRÍ	DH09GB	<i>Tri</i>	7,3	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
45	09139201	NGUYỄN ĐÌNH	TRÍ	DH09HH	<i>Thuy</i>	3,9	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
46	09139210	NGUYỄN B P THANH	TRÚC	DH09HH	<i>Thuy</i>	8,5	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
47	09154048	DƯƠNG VĂN	TRUNG	DH09OT	<i>Thuy</i>	5,8	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
48	09115059	TRẦN ĐÌNH	TRƯỜNG	DH09CB	<i>Thuy</i>	6,6	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
49	09139218	HOÀNG QUANG	TUẤN	DH09HH	<i>Thuy</i>	6,4	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
50	08154040	NGUYỄN ANH	TUẤN	DH08OT	<i>Thuy</i>	5,5	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
51	09130092	NGUYỄN VĂN	TUẤN	DH09DT	<i>Thuy</i>	5,6	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
52	09130094	TRẦN QUỐC	TUẤN	DH09DT	<i>Thuy</i>	5,7	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
53	09153033	NGUYỄN NHƯ LONG	TUYỀN	DH09CD	<i>Thuy</i>	7,9	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
54	09154052	LƯƠNG TRUNG	TUÔNG	DH09OT	<i>Thuy</i>	5,5	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9

Số bài: 56 Số tờ: 56

Cán bộ coi thi 182

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 182

Ngày

tháng

năm

Huỳnh Ngọc Hùng (chữ ký)
Thư Nguyễn Thanh Ngọc

Thuy
Th.S. NGÔ THIÊN

Thuy
Thư Hồ Ngọc Kỳ

PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 00704

Môn Học : Toán cao cấp A3 (202110) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 15/07/2015

Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV323

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	09154053	VÕ QUỐC	VIỆT		<i>1804</i>	7,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	09119040	NGUYỄN HÙNG	VĨNH		<i>Vinh</i>	4,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	08151046	NGUYỄN XUÂN	VĨNH		<i>Xuân</i>	7,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	09137051	NGUYỄN TRẦN HỮU	VĨNH		<i>Hữu</i>		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 56; Số tờ: 56

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 182

Ngày tháng năm

Huynh Ngoc Hung lyon
Nguyen Thanh Ngon

Th.S. NGỎ T

Th.S. NGỎ THIÊN

Handwritten: Handwritten